

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 15/2022/NQ-HĐND

Bắc Kạn, ngày 18 tháng 10 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bắc Kạn ban hành kèm theo Nghị quyết số 15/2018/NQ-HĐND ngày 17/7/2018 của HĐND tỉnh Bắc Kạn

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ 10 (KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 165/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng tài sản tại cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công; Nghị định số 67/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân;

Xét Tờ trình số 161/TTr-UBND ngày 23 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bắc Kạn ban hành kèm theo Nghị quyết số 15/2018/NQ-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn; Báo cáo thẩm tra số 135/BC-HĐND ngày 03 tháng 10 năm 2022 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bắc Kạn ban hành kèm theo Nghị quyết số 15/2018/NQ-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn.

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 3 như sau:

“Điều 3. Thảm quyền quyết định mua sắm tài sản công (không bao gồm mua sắm tài sản công trong trường hợp phải lập thành dự án đầu tư)

1. Chủ tịch UBND tỉnh quyết định mua sắm theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính đối với:

a) Trụ sở làm việc, tài sản khác gắn liền với đất, xe ô tô các loại của các cơ quan nhà nước thuộc tỉnh quản lý.

b) Tài sản khác có giá trị mua sắm từ 01 tỷ đồng trở lên trên 01 đơn vị tài sản; 02 tỷ đồng trở lên trên một lô tài sản hàng hóa, dịch vụ cho 01 lần mua sắm; đối với lô tài sản có giá trị mua sắm dưới 02 tỷ đồng cho 01 lần mua sắm trong đó có 01 tài sản có giá trị từ 01 tỷ đồng trở lên đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh.

2. Đối với việc mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này được thực hiện như sau:

a) Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh.

Quyết định mua sắm tài sản hàng hóa, dịch vụ của đơn vị mình;

Quyết định mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên cho 01 lần mua sắm của đơn vị trực thuộc.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ theo đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch cho các đơn vị trực thuộc và UBND cấp xã có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên trên một đơn vị tài sản; từ 01 tỷ đồng trở lên trên một lô tài sản, hàng hóa, dịch vụ; đối với lô tài sản có giá trị mua sắm dưới 01 tỷ đồng trong đó có 01 tài sản có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên cho 01 lần mua sắm.

c) Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc các sở, ban, ngành cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; Thủ trưởng các cơ quan tổ chức, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ trừ trường hợp quy định tại khoản 1, điểm a và điểm b khoản 2 Điều này”.

2. Sửa đổi khoản 1, khoản 3 và bổ sung khoản 4 Điều 4 như sau:

“1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc thuê trụ sở làm việc và tài sản khác trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính đối với trường hợp giá dự toán từ 01 tỷ đồng trở lên cho cả thời gian thuê để phục vụ hoạt động của các cơ quan nhà nước cấp tỉnh.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định việc thuê trụ sở làm việc và các tài sản khác để phục vụ hoạt động chuyên môn của các cơ quan nhà nước thuộc cấp huyện quản lý (gồm cả cấp xã) đối với trường hợp giá dự toán từ 100 triệu đồng trở lên cho cả thời gian thuê trên cơ sở đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; Thủ trưởng các cơ quan tổ chức, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định việc thuê trụ sở làm việc và

các tài sản khác để phục vụ hoạt động chuyên môn trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều này”.

3. Sửa đổi điểm a khoản 1 Điều 5 như sau:

“a) Trụ sở làm việc, tài sản khác gắn liền với đất, xe ô tô các loại.”

4. Sửa đổi điểm a, điểm b khoản 1 Điều 6 như sau:

“a) Tài sản là trụ sở làm việc, tài sản khác gắn liền với đất, xe ô tô các loại;

b) Tài sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 01 tỷ đồng trở lên trên 01 đơn vị tài sản.”

5. Sửa đổi khoản 1 Điều 7 như sau:

“1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bán tài sản công của các cơ quan nhà nước thuộc tỉnh quản lý trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính đối với:

a) Trụ sở làm việc, tài sản khác gắn liền với đất, xe ô tô các loại;

b) Tài sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 01 tỷ đồng trở lên trên 01 đơn vị tài sản.”

6. Sửa đổi, bổ sung Điều 8 như sau:

“Điều 8. Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thanh lý tài sản công trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính đối với:

a) Nhà, các tài sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 01 tỷ đồng trở lên trên 01 đơn vị tài sản;

b) Xe ô tô các loại.

2. Giám đốc Sở Tài chính quyết định thanh lý tài sản công tại các cơ quan nhà nước cấp tỉnh đối với nhà, các tài sản khác gắn liền với đất có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 01 tỷ đồng trên 01 đơn vị tài sản.

3. Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh:

a) Quyết định thanh lý tài sản công của đơn vị mình trừ tài sản quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

b) Quyết định thanh lý tài sản công tại các đơn vị trực thuộc trừ tài sản quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng đến dưới 01 tỷ đồng trên 01 đơn vị tài sản.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện Quyết định thanh lý tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp huyện quản lý (gồm cả cấp xã) đối với:

a) Nhà, các tài sản khác gắn liền với đất có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 01 tỷ đồng trên 01 đơn vị tài sản.

b) Tài sản khác trừ tài sản quy định tại điểm b khoản 1 Điều này có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 100 triệu đồng đến dưới 01 tỷ đồng trên 01 đơn vị tài sản.

5. Người đứng đầu đơn vị trực thuộc các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; Người đứng đầu các đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện: Quyết định thanh lý tài sản công do cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp quản lý, sử dụng đối với tài sản cố định khác trừ tài sản quy định tại các khoản 1, khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều này”.

7. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Điều 9 như sau:

“a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định tiêu hủy theo đề nghị của giám đốc Sở Tài chính đối với xe ô tô các loại, tài sản có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 01 tỷ đồng trở lên trên 01 đơn vị tài sản”.

8. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 15 như sau:

“1. Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản công là nhà làm việc, công trình sự nghiệp, tài sản khác gắn liền với đất, xe ô tô, tài sản có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản thực hiện như phân cấp thẩm quyền đối với cơ quan nhà nước quy định Điều 8 quy định này. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập quyết định thanh lý đối với các tài sản khác”.

9. Sửa đổi, bổ sung Điều 20 như sau:

“Điều 20. Thẩm quyền quyết định bán đấu giá tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất do sắp xếp lại, xử lý nhà, đất.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bán đấu giá tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với nhà, đất do cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp thuộc địa phương quản lý (trừ nhà, đất tại cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam)”.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.
2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày 28 tháng 10 năm 2022.
2. Bãi bỏ Nghị quyết số 07/2020/NQ-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bắc Kạn ban hành kèm theo Nghị quyết số 15/2018/NQ-HĐND ngày 17/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn khoá X, kỳ họp thứ 10 (*kỳ họp chuyên đề*) thông qua ngày 18 tháng 10 năm 2022./.

Nơi nhận: *tu*

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- VPQH, VPCP, VPCTN;
- Ban Công tác đại biểu (UBTVQH);
- Bộ Tài chính;
- Vụ Pháp chế (*Bộ Tài chính*);
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (*Bộ Tư pháp*);
- TT Tỉnh ủy, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, hội, đoàn thể tỉnh;
- TT Huyện (*Thành*) ủy; HĐND, UBND, UBMTTQVN các huyện, thành phố;
- Trung tâm Công báo – Tin học tỉnh;
- LĐVP;
- Phòng Công tác HĐND;
- Lưu: VT. *du*

CHỦ TỊCH

Phương Thị Thanh